

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Tiến Thành

2. Ngày tháng năm sinh: 25/10/1983; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 3, Ngõ 109, Phố Hoàng Ngân, Phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Nguyễn Tiến Thành, Bộ môn Thủy văn và Biến đổi khí hậu, P.319 nhà A1, 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0383928535;

E-mail: thanhnt@tlu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 05,2008 đến tháng, năm 06,2023: Giảng viên tại Trường Đại học Thủy lợi

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Thủy lợi

Địa chỉ cơ quan: 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02438522201

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 22 tháng 06 năm 2005, số văn bằng: QC0341117, ngành: Khí tượng học, chuyên ngành: Khí tượng học; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Được cấp bằng ThS [4] ngày 10 tháng 06 năm 2008, số văn bằng: QM007654, ngành: Địa lý, chuyên ngành: Sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Được cấp bằng TS [5] ngày 31 tháng 05 năm 2016, số văn bằng: Không có, ngành: Kiến trúc, Xây dựng và Khoa học Môi trường, chuyên ngành: Khí tượng thủy văn, thủy lợi và bảo vệ nguồn nước; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Kỹ thuật Braunschweig, CHLB Đức

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thủy lợi

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thủy lợi

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Kỹ thuật chi tiết hóa động lực và thống kê phục vụ bài toán khí tượng thủy văn và tài nguyên nước.
- Giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Hạn hán và Rủi ro khí hậu

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 35 bài báo khoa học, trong đó 10 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Là giảng viên của Trường Đại học Thủy lợi, tôi luôn tu dưỡng đạo đức, tư tưởng và bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn để đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo với chức danh giảng viên theo đúng các quy định của Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và các quy định tại Chương II Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập cũng như các quy định về bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn của Trường.
- Là giảng viên của trường Đại học Thủy lợi, tôi luôn (i) hoàn thành tốt các công việc giảng dạy ở cả bậc đại học và sau đại học, (ii) tham gia biên soạn và giảng dạy chương trình đào tạo về Phòng, chống thiên tai của Tổng cục Phòng, chống thiên tai trước kia và Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai hiện tại, (iii) tích cực tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH) ở mọi cấp (đã chủ trì 02 đề tài NCKH cấp cơ sở, thành viên chính 01 đề tài cấp nhà nước và đang là thư ký 01 đề tài độc lập), (iv) tận tình hướng dẫn sinh viên NCKH và đã đạt được một số thành tích cao (01 giải ba NCKH sinh viên cấp Khoa, 01 NCKH sinh viên tham gia vòng chung khảo Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học về “Thích ứng với Biến đổi khí hậu” do Đại Sứ quán Hà Lan tài trợ năm 2021), (v) tích cực tham gia báo cáo khoa học và đẩy mạnh công bố các công trình nghiên cứu tại các hội thảo và trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế cũng như tham gia phản biện bản thảo bài báo cho các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.
- Tôi cũng tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu, đẩy mạnh hợp tác và trao đổi khoa học trong lĩnh vực Biến đổi khí hậu như tham gia vào nhóm nghiên cứu về Biến đổi khí hậu của SEAMEO và các Trường Đại học ở Đông Nam Á

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 14 năm 0 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghệ ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018				1	169	30	199 /241 / 270
2	2018-2019			1	1.5	216	30	246 / 292.5 / 270
3	2019-2020				1	229	90	319 / 415.5 / 270
03 năm học cuối								
4	2020-2021				1	237.5		237.5 / 283.4 / 270
5	2021-2022			3	1	294	40	334 /320.16 /280
6	2022-2023				1	226	30	256 / 285.5 /280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn

giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: CHLB Đức năm 2016

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 5.5

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Xuân Khánh		X	X		05/2019 đến 11/2019	Trường Đại học Thủy lợi	17/01/2020
2	Nguyễn Ngọc Thái		X	X		12/2020 đến 06/2021	Trường Đại học Thủy lợi	26/01/2022

3	Vũ Thị Thúy		X	X		08/2020 đến 02/2021	Trưởng Đại học Thủy lợi	07/09/2022
4	Lê Thị Hòa		X	X		08/2020 đến 02/2021	Trưởng Đại học Thủy lợi	07/09/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Khí tượng học	GT	Bách khoa, năm 2023, năm 2023	4	VC	(Chương 5, 6, 7, 9)	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

1	Projected changes of discharge for far-future (2071-2100) over Coastal region, Vietnam: A case study of Thi Vai catchment	2	Có	8th Eastern European Young Water Professionals Conference			65-66	05/2016
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
2	Fitting a Probability Distribution to Extreme Precipitation for a Limited Mountain Area in Vietnam	1	Có	Journal of Geoscience and Environment Protection	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	4	5, 5, 92-107	05/2017
3	Projected Changes of Precipitation IDF Curves for Short Duration under Climate Change in Central Vietnam	2	Có	Journal of Hydrology	Journal of Hydrology - ESCI IF: Q2	16	5, 3, 603-633	07/2018

4	A proposal to evaluate drought characteristics using multiple climate models for multiple timescales	1	Có	Journal of Climate	Journal of Climate - ESCI <i>IF: Q3</i>	5	6, 4, 1-16	09/2018
5	Spatio-temporal trends of extreme rainfall at a sub-basin scale of thivai river in southern vietnam	1	Có	Proceeding of International Symposium on Lowland Technology	- Scopus			09/2018
6	Evaluation of Multi-Precipitation Products for Multi-Time Scales and Spatial Distribution During 2007-2015	1	Có	Civil Engineering Journal	Civil Engineering Journal - ESCI <i>IF: Q1</i>	25	5, 1, 255-267	01/2019

7	Bước đầu đánh giá sản phẩm dự báo lại trường mưa và nhiệt độ từ bộ dữ liệu C3S cho hạ lưu sông Mê Kông	4	Có	Tuyển tập Hội nghị Khoa học thường niên, Trường Đại học Thủy Lợi			323-325	11/2019
8	Đánh giá và nâng cao chất lượng dự báo mưa phục vụ dự báo lũ đến hồ Dakdrinh, Quảng Ngãi	2	Không	Tuyển tập Hội nghị Khoa học thường niên, Trường Đại học Thủy Lợi			712- 714	11/2019
9	Ứng dụng mô hình động lực trong nghiên cứu hạn khí tượng cho lưu vực sông Cả	1	Có	Tuyển tập Hội nghị Khoa học thường niên, Trường Đại học Thủy Lợi			715- 717	11/2019
10	Về khả năng sử dụng dữ liệu mưa trong mô phỏng dòng chảy lũ lưu vực sông Thu Bồn	2	Có	Tuyển tập Hội nghị Khoa học thường niên, Trường Đại học Thủy Lợi			721- 723	11/2019

11	Identification of erosion-accretion causes and regimes along the Quang Nam Coast, Vietnam	5	Có	Proceedings of the 10th International Conference on Asian and Pacific Coasts, 2019, Hanoi, Vietnam	- Scopus	5	809-814	09/2019
12	Understanding Shoreline and Riverbank Changes Under the Effect of Meteorological Forcings	2	Có	Proceedings of the 10th International Conference on Asian and Pacific Coasts, 2019, Hanoi, Vietnam	- Scopus	2	1303-1310	09/2019
13	An Analysis of Shoreline Changes Using Combined Multitemporal Remote Sensing and Digital Evaluation Model	5	Có	Civil Engineering Journal	Civil Engineering Journal - ESCI IF: Q1	54	6, 1, 1-10	01/2020
14	Potential effects of climate change on food security in Quang Binh Province	2	Có	Proceeding of international conference Climate Change and Sustainability management in Vietnam and Taiwan			39-46	10/2020

15	The Proposals for a Sustainable Development of Socio- economic under Climate Change Conditions in Quang Binh Province	1	Có	Proceeding of the 12th NEU-KKU International conference of Socio-economic and environmental issues in development			944-956	07/2020
16	Đánh giá biến đổi địa hình trước và sau khi xây dựng cụm công trình luồng qua cửa Lạch Giang, tỉnh Nam Định	9	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển			20, 4B, 1-11	12/2020
17	Hydrodynamic Condition Modeling along the North- Central Coast of Vietnam	5	Có	Engineering, Technology & Applied Science Research	Engineering, Technology & Applied Science Research - ESCI	1	10, 3, 5648- 5654	06/2020
18	Xu thế biến đổi nước biển dâng vùng biển Việt Nam trong những năm gần đây	1	Có	Tuyển tập Hội nghị Khoa học thường niên, Trường Đại học Thủy Lợi			537- 539	11/2020

19	Primarily Results of a Real-Time Flash Flood Warning System in Vietnam	3	Không	Civil Engineering Journal	Civil Engineering Journal - ESCI IF: Q1	11	7, 4, 747-762	01/2021
20	Spatio- temporal variations of extreme precipitation events over North Central of Vietnam	1	Có	International Journal of Global Warming	International Journal of Global Warming - SCIE IF: 0.98,Q3		23, 2, 212- 233	01/2021
21	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến nhiệt độ và lượng mưa khu vực tỉnh Quảng Binh	6	Không	Tạp chí Khí tượng Thủy văn		1	724, 4, 1-14	04/2021
22	Đánh giá chất lượng dự báo trường khí tượng của một số mô hình khí hậu toàn cầu cho khu vực Việt Nam	1	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường		2	76, 6, 128- 135	06/2021

23	Xây dựng bản đồ cực trị khí hậu trường mưa cho Việt Nam	1	Có	Tuyển tập Hội nghị Khoa học thường niên, Trường Đại học Thủy Lợi			465-467	11/2021
24	Minimizing the Negative Effects of Irrigation and Hydropower System on Sustainable Development and Environmental Protection in the Huong River Basin	3	Có	Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies	- Scopus		139- 174	01/2022
25	Sea Levels and Inundation Mapping for Urban Areas of Vietnam	1	Có	Proceedings of the 6th International Conference on Geotechnics, Civil Engineering and Structures	- Scopus		1161–1169	01/2022
26	Bias- Corrected IDF Curves From Satellite- Based Rainfall for HoaBinh Province, Vietnam	2	Có	Asian Journal of Water, Environment and Pollution	Asian Journal of Water, Environment and Pollution - Scopus IF: Q3		19, 5, 1- 9	09/2022

27	A Comparison of generated intensity- duration- frequency curves under CMIP5 and CMIP6	2	Không	Transport and Communications Science Journa			12, 1-10	05/2022
28	Investigation of design rainfall distribution for Lower Da River Basin under climate change	2	Có	International Journal of Global Warming	International Journal of Global Warming - SCIE IF: IF=0.97, Q3		27, 1, 71-91	05/2022
29	Understanding the water- related risks under climate conditions in Vietnam using CMIP6 models	1	Có	International Journal of Global Warming	International Journal of Global Warming - SCIE IF: 0.97,Q3		28, 1, 96-112	08/2022
30	Evaluation of climate change- related vulnerability for natural resources and environment in Thai Nguyen province	2	Không	TNU Journal of Science and Technology			227, 03, 71 - 77	02/2022

31	Ảnh hưởng trường khí tượng tới lan truyền ô nhiễm phóng xạ hạt nhân trong khí quyển: Trường hợp nghiên cứu cho nhà máy điện hạt nhân FANGCHENG	2	Có	Tuyển tập Hội nghị Khoa học thường niên, Trường Đại học Thủy Lợi			315-317	11/2022
32	Nghiên cứu và tính toán nhiệt độ điểm sương ở độ phân giải cao cho Việt Nam giai đoạn 1990-2019	1	Có	Tuyển tập Hội nghị Khoa học thường niên, Trường Đại học Thủy Lợi			453-455	11/2022
33	Khả năng mô phỏng mưa giờ sử dụng mô hình khí tượng WRF cho tỉnh Thừa Thiên Huế	2	Có	Tuyển tập Hội nghị Khoa học thường niên, Trường Đại học Thủy Lợi			534-536	11/2022

34	Đánh giá mức độ hạn hán cho Việt Nam theo kịch bản chia sẻ kinh tế-xã hội giai đoạn 2030-2045	2	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường			81, 12, 65-72	12/2022
35	Khả năng mô phỏng mưa giờ của mô hình khí tượng WRF phục vụ tính toán dòng chảy tới hồ Tả Trạch mùa lũ 2020	3	Có	Tạp chí Các Khoa học trái đất và Môi trường			39, 1, 42-52	03/2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS: 9 ([3] [4] [6] [13] [17] [20] [26] [28] [29])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	-----------------------------	------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2017-2018,29

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2023

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)